

# Ngôn Vinh : **Fulro hay là tập đoàn tội phạm**

Phân tích bởi  
Ts. Nguyễn Văn Huy  
(Đại Học Paris VII)<sup>1</sup>

«*FULRO ?*» là tên một tài liệu dày 360 trang, khổ 13x19 cm, 360 trang do Ngôn Vinh biên soạn, được trình bày dưới hình thức một quyển sách. Nội dung nói về tổ chức Fulro cùng những nhân vật liên quan. Tài liệu được in tại xí nghiệp in Hà Sơn Bình trên giấy bồi màu nâu nhạt và do Nhà Xuất Bản Công An Nhân Dân Hà Nội phát hành tháng 9 năm 1982. Tổng số sách phát hành là 10.350 cuốn, giá bán 12 đồng/cuốn, và chỉ lưu hành tại miền Bắc. Vài tháng sau khi phát hành, toàn bộ số sách chưa phân phối hoặc bán được đã bị thu hồi để hủy, theo lệnh của ban tư tưởng-văn hóa trung ương và bộ nội vụ, vì có nhiều điều hớ hênh có lợi cho phong trào Fulro.

Tháng 9-1983, tài liệu *FULRO ?* được biên tập lại, đương nhiên là có lợi cho chế độ cộng sản hơn, do Nhà Xuất Bản Công An Nhân Dân phát hành (in lại lần thứ hai, có sửa chữa), nhưng dưới một tên khác : *FULRO-tập đoàn tội phạm* như để xác nhận Fulro là một tổ chức tội phạm cần phải trừng trị. Tác giả vẫn là Ngôn Vinh. Nội dung không thay đổi, chỉ có thêm những đoạn có hại cho Fulro và bỏ những đoạn không có lợi cho chế độ. Tài liệu dày 276 trang, chữ nhỏ. Tổng số sách phát hành : 30.300 cuốn, khổ 14,2x20,2 cm, in tại Xí Nghiệp

---

<sup>1</sup>Ts. Nguyễn Văn Huy là nhà dân tộc học, phụ trách khoa các dân tộc Đông Nam Á tại Đại Học Paris 7.

Công tư hợp doanh In số 1, thành phố Hồ Chí Minh. Sách in trên loại giấy tái sinh, hạng kém, màu nâu nhạt, Giá : 33 đồng/cuốn, bán tại Sài Gòn và các tỉnh miền Nam.

Trước đó vài tháng, tháng 4-1983, Nhà Xuất Bản Thành Phố Hồ Chí Minh cũng cho phát hành một tài liệu khác, mỏng hơn, 67 trang, dưới tựa đề : *Đập nát công cụ hậu chiến CIA : FULRO*, như để xác nhận Fulro là bàn tay nối dài của CIA Mỹ cài lại sau 1975. Tác giả là nhà báo Thành Tín. Tổng số phát hành : 10.150 cuốn, khổ 13x19 cm, giá 15 đồng/cuốn. Nội dung nói về những thắng lợi của chế độ trong giai đoạn từ 1980 đến 1982, sau khi đã phá vỡ được những lực lượng *Fulro* cuối cùng trên Tây Nguyên..

Ngôn Vinh thật ra không phải là tên một người mà là cả một ê-kíp, gồm có công an chính trị đặc trách theo dõi phong trào *Fulro* (Cục Bảo Vệ Chính Trị II, Đoàn chống Fulro của Bộ Nội Vụ), các cơ quan công an địa phương (Đắc Lắc, Lâm Đồng, Gia Lai - Kontum, Thuận Hải), phòng Nghiên cứu tổng hợp tỉnh Đắc Lắc cùng một số nhà văn, nhà báo.

Ban biên tập năm 1982 gồm các ông Phạm Thanh Đàm (chịu trách nhiệm xuất bản), Y Nguyễn (biên tập), Vũ Mai Bình (sửa bản in) và Trần Hay (vẽ trang bìa). Ban biên tập năm 1983 chỉ còn lại Phạm Thanh Đàm, những người khác đều bị thay thế : Nguyễn Duy Hình biên tập, Vũ Thị Mai sửa bản in và Văn Minh trình bày trang bìa (hình vẽ một phụ nữ Tây Nguyên công con trong một buôn làng với những nhà sàn trong khung màu đỏ).

Cách hành văn của *FULRO ?* và *FULRO-tập đoàn tội phạm* được trình bày vừa dưới dạng một truyện tiểu thuyết trinh thám ly kỳ (với những lời đối thoại giữa những nhân vật trong cuộc tưởng như thật) vừa dưới hình thức một tài liệu học tập nội bộ của ngành tính báo (dành riêng cho cán bộ công an cơ sở và các tổ nghiên cứu chính trị). Lời lẽ sử dụng trong tài liệu, theo kiểu báo cáo của ngành công an, rất là miệt thị đối với những nhân vật lãnh đạo phong trào Fulro, chính quyền miền Nam và tòa đại sứ Mỹ.

Nói chung đây là một tài liệu học tập nội bộ của ngành công an, nhưng đã được vẽ vời thêm cho giống một tiểu thuyết trinh thám để dễ phổ biến rộng rãi ra ngoài quần chúng, đương nhiên là với mục đích tuyên truyền có lợi cho chế độ cộng sản và hạ thấp nhân phẩm những

người đối kháng.

Ngoài «lời cảm tạ» của tác giả (đúng hơn là của ban biên tập) và «lời giới thiệu» của Nhà xuất bản Công an Nhân dân (đúng hơn là của Ban tư tưởng-văn hóa trong Bộ nội vụ), tài liệu được chia làm 3 phần, với 27 chương, tóm lược phong trào Fulro từ khi thành lập năm 1964 đến 1982.

### 1. Những kẻ lưu vong

Phần này dày 87 trang, từ trang 17 đến 104, gồm 8 chương, nói về giai đoạn từ 1963 đến 1972.

a. «Tham vọng» (tr. 17-24). Les Kosem, một người Khmer gốc Chăm, được quốc vương Sihanouk tin cậy và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Năm 1963, Mặt trận giải phóng Champa được thành lập, do Po Nagar (tức Les Kosem) làm lãnh tụ, đã kết hợp cùng với Mặt trận giải phóng Khmer Krom, do Châu Dara (tức trung tá Um Savuth, theo Ngôn Vinh), chỉ huy, để thành lập một lực lượng chống Việt Nam.

b. «Kẻ chạy trốn» (tr. 25-30). Đầu năm 1965, Đảng Năng Giáo, một trí thức Chăm tại Phan Rang bất mãn với chính quyền Ngô Đình Diệm, được Huỳnh Ngọc Sấn, thành viên của phong trào Bajaraka do Y Băm Ênuôl làm lãnh tụ năm 1957, rủ lên Buôn Ma Thuột gia nhập phong trào tranh đấu chống chính quyền miền Nam.

c. «Một yếu nhân» (tr. 31-43). Tháng 9-1964, Y Băm Ênuôl, lãnh tụ phong trào Bajaraka, được bầu là chủ tịch Mặt trận giải phóng Cao nguyên<sup>2</sup>. Y Dhor Adrong làm phó chủ tịch. Phong trào gửi kiến nghị đòi chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thỏa mãn một số yêu sách nhưng không được phúc đáp<sup>3</sup>.

d. «Trận đổ máu ngày 20-9-1964» (tr. 44-55). Ngày 19-9-1964, một toán biệt kích Thượng, do thiếu úy Y Nhăm Eban chỉ huy, chiếm đồn Buprang, cửa ngõ bảo vệ Buôn Ma Thuột. Trong ngày 20-9-1964,

<sup>2</sup> Đúng ra là “Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa” (Front de Libération des Hauts Plateaux du Champa) viết tắt là FLHPC-Fulro.

<sup>3</sup> Trong *FULRO-tập đoàn tội phạm* (in lần thứ hai), chương này có tên là «Chọn kẻ phát cò». Viên đại tá tham vụ, biệt phái viên của đại sứ Mỹ trong chương này có tên là Freund (thay vì Franck như lần phát hành đầu tiên).

lần lượt các đồn Sarpa, Miga, Eno, Bun Brieng, Bandon, Đức Lập, quốc lộ 14, đài phát thanh Buôn Ma Thuột, bị quân Thượng chiếm đóng. Sau khi được Mỹ can thiệp, tất cả đều rút qua biên giới Campuchia an toàn.

e. «Con bài hai mặt» (tr. 56-63). Y Chôn, vừa là đặc phái viên của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa vừa là người của lực lượng phản loạn, đứng ra dàn xếp sự qui hàng của phiến quân ngày 29-9-1964 tại Buôn Ma Thuột.

f. «Những mảnh vá vụn» (tr. 64-77). Tại Campuchia, Les Kosem tập hợp từng lãnh tụ Chăm và Thượng lưu vong : Y Bham Enuôl, Y Dơn, Huỳnh Ngọc Sấn... để thành lập mặt trận Fulro<sup>4</sup>.

g. «Đằng sau những cuộc thương thuyết» (tr. 78-92) : Ba vị lãnh tụ tối cao trong Fulro : Les Kosem, Châu Dara và Y Bham Enuôl, mặc dù đứng cùng chung tổ chức nhưng tìm cách tạo dựng riêng cho mình một lực lượng và gây thanh thế riêng. Nội bộ Fulro Thượng chia thành hai nhóm đối đầu lẫn nhau : phe dân sự do Y Bham Enuôl lãnh đạo và phe quân sự do Y Dơn [Adrong] cầm đầu.

h. «Những thế lực mới» (tr. 93-104). Ngày 22-6-1966, Paul Nư được cử làm đặc ủy trưởng Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ<sup>5</sup>. Y Bham Enuôl chấp nhận thương thuyết với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa.

## 2. Về hợp tác

Phần này gồm 102 trang, từ trang 107 đến 209, được chia ra làm 8 chương.

a. «Một cuộc hội đàm» (tr. 107-114). Tháng 8-1968, một phái đoàn Fulro cao cấp gồm 28 người do Y Bham Enuôl dẫn đầu về Buôn Ma Thuột họp với phái đoàn chính phủ Việt Nam do Paul Nư cầm đầu. Cuộc hội đàm kéo dài trong một tuần nhưng không kết quả. Sau đó là những cuộc hội đàm bí mật giữa Fulro với chính quyền miền Nam và tòa đại sứ Mỹ.

<sup>4</sup> Đúng ra, Fulro tên viết tắt của “Front Unifié de Lutte des Races Opprimées”, được thành hình vào cuối năm 1963 tại thủ đô Nam Vang, tức là sau ngày đảo chánh Ngô Đình Diệm 1-11-1963, trong lúc đó Y Bham Enuôl vẫn còn trong ngục tù.

<sup>5</sup> Theo tài liệu chính thức của Sài Gòn, Paul Nư được cử làm đặc ủy trưởng vào ngày 21 tháng 2 năm 1966.

b. «Đại lễ hợp tác» (tr.115-123). Ngày 30-12-1968, đang lúc chuẩn bị về Việt Nam hợp tác, Y Bham Enuol cùng một số cán bộ lãnh đạo khác bị trung tá Les Kosem bắt đem về Phnom Penh giam lỏng. Trong đại lễ hợp tác ngày 1-2-1969, Y Dhé Adrong thay mặt Fulro Thượng tuyên bố giải tán phong trào và hợp tác với chính quyền miền Nam.

c. «Phong trào đoàn kết» (tr. 124-138). Ngày 22-4-1969, Phong Trào Đoàn Kết Các Sắc Tộc Cao Nguyên Việt Nam được thành lập, ban chấp hành gồm có (một chủ tịch danh dự : tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, một chủ tịch chính thức : ông Y Bling Buôn Krong Pang, một đệ nhất phó chủ tịch : ông Y Dhắt Niê Kdam, một đệ nhị phó chủ tịch : ông Ya Duk, người Kaho, một đệ tam phó chủ tịch : bà Hbi, Buôn Ya, một tổng thư ký : ông Y Kuốt Ayun, một thủ quỹ : ông Y Buăn) và ban cố vấn (các ông Paul Nur, Y Chôn Mlô Duôn Du và Y Bliêng Hmok).

d. «Bước đường mới của Les Kossem» (tr. 139-150). Năm 1970 Les Kosem cho người về Việt Nam tổ chức lại lực lượng và đi khắp các quốc gia Đông Nam Á xin giúp đỡ.

e. «Vị tân tổng trưởng» (tr. 151-165). Nay Luett được cử làm tổng trưởng bộ sắc tộc ngày 17-6-1971.

g. «Nạn nhân của những âm mưu» (tr.166-175). Năm 1971, Đảng Năng Giáo được Les Kosem cử đi Pháp du học nhưng đã tự tử chết tại đây ngày 23-4-1972.

f. «Kê đẩy, người kéo» (tr. 176-189). Y Bham Enuol bị dẫn co giữa hai ước muốn : về Việt Nam hợp tác hay ở lại Campuchia giữ vai trò lãnh đạo *Fulro*. Cuối cùng ông bị Les Kosem làm áp lực giữ chân tại Phnom Penh.

h. «Ông chánh án» (tr. 190-209). Y Bliêng, chánh án tòa án phong tục liên tỉnh Đắc Lắc-Quảng Đức nổi tiếng, bị những người chống đối cùng một số nhân vật tỉnh Đắc Lắc lập hồ sơ lên Tối cao Pháp viện tố cáo tham nhũng làm áp lực để hủy bỏ vụ khởi tố dân biểu Y Dhé Adrong.

### 3. Bình minh và mây mù

Phần này dài nhất, gồm 11 chương, 147 trang, từ trang 212 đến

359, vì liên quan trực tiếp đến chế độ đương quyền.

a. «Đường cũ, lối mới» (tr. 212-231). Giữa năm 1972, những cán bộ *Fulro* cũ bất mãn với chính quyền Việt Nam Cộng Hòa thành lập Mặt trận giải phóng cao nguyên người Thượng, do Y Bham Enuôl làm chủ tịch<sup>6</sup> và Kpa Koi phó chủ tịch.

b. «Một âm mưu» (tr. 232-240). Mỹ tìm cách đưa cán bộ *Fulro* Thượng vào vùng giải phóng để thu thập tin tức cho tổ chức tìm kiếm người Mỹ mất tích.

c. «Nơi hội tụ của những ý đồ» (tr. 241-253). Trung tâm Văn hóa Chăm Phan Rang là nơi hội tụ của những sinh hoạt, hội thảo hàng tuần về đề tài liên quan đến *Fulro* và dân tộc Chăm.

d. «Những cố gắng của ông trung tâm trường» (tr. 254-263). Tháng 7-1974, Y Chôn Mlô, trung tâm trường Trung tâm khảo cứu sắc tộc tại Đà Lạt, tìm cách liên lạc với phe cộng sản trên cao nguyên và xây dựng một lực lượng *Fulro* khác.

e. «Hai vị tư lệnh» (tr. 264-271). *Fulro* có tranh chấp nội bộ vì Quân khu 4 có hai tư lệnh : Nicolai (do Y Chôn Mlô đề cử) và K'Năm (do Kpa Koi chọn).

f. «Cô gái làm lạc» (tr. 272-285). Lực lượng “*Fulro* Champa” được thành lập tại Chung Mỹ, Phan Rang, trong đó có một nữ sinh tên Đàng Thị Trang.

g. «Khi mặt nạ rơi» (tr. 286-295). Tháng 3-1975, một số nhân sĩ Thượng tại Sài Gòn thành lập Mặt trận cứu nguy dân tộc Cao Nguyên nhằm tập hợp lực lượng tái chiếm cao nguyên. Trên cao nguyên, lực lượng Thượng và Chăm nổi lên chiếm đóng một số nơi nhưng không giữ được.

h. «Bà ngoại trưởng» (tr. 296-308). Ước muốn nhờ bà H'tlôn giúp trốn sang Thái Lan của Paul Nư bắt thành.

i. «Một tên độc ác» (tr. 309-318). Nội bộ *Fulro* phân hóa, Y Djaio trở thành lãnh tụ và thanh toán những người chống đối.

j. «Tội ác» (tr. 319-336). Chương này liệt kê sự hung bạo của một số người trong lực lượng *Fulro* Champa.

k. «Bốn cô gái-bốn cuộc đời» (tr. 337-359). Đàng Thị Trang bỏ *Fulro* về được chăm sóc; Từ Thị Nhung trốn ra nước ngoài ; Lê Thị Ý

---

<sup>6</sup> Không có tư liệu nào nói về sự hợp tác giữa Y Bham Enuôl và Kpa Koi.

bị Jay Scarborough, một thanh niên Mỹ, bỏ rơi; Thuận Thị Trúc (tên thật là Thuận Thị Trụ) hòa nhập vào cuộc sống mới.

\*

Với lối trình bày nửa tiểu thuyết trinh thám đường rừng nửa báo cáo (tường thuật) của ngành tình báo, người đọc rất dễ bị hoang mang, không biết đâu là thật không biết đâu là giả, ai chính ai tà...

Với những người có chút hiểu biết về phong trào *Fulro*, nội dung của tài liệu này rất thiếu sót và không đúng sự thực, do đó không có giá trị tư tưởng hay nghiên cứu. Đó là chưa kể những mạ lỵ hay bôi nhọ miễn phí những người chống đối. Hơn nữa, phần lớn những mô tả về phong trào *Fulro* đều dựa vào lời khai của những người trở về hợp tác (như Thuận Thị Trụ, Ya Duk, v.v.), hoặc dựa vào những tài liệu của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa cũ viết về vấn đề này (báo cáo của Hoàng Minh Mộ, Chăm Phan Rí, nhân viên tình báo thuộc Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tỉnh Báo thời Nguyễn Văn Thiệu). Cũng nên biết, tên của người được nhắc đến nhiều nhất cũng viết sai là Les Kossem, thay vì Les Kosem và một người Mỹ tên Jay Scarborough được viết thành Jay Sla Rborough cho thấy lực lượng công an chính trị không nắm rõ tình hình nội bộ của *Fulro* mà chỉ mô tả lại theo lời khai của những người ra đầu thú.

Cảm giác đầu tiên ghi nhận được sau khi đọc xong tài liệu là sự trung thực của tài liệu rất khó xác định (những mâu thuẫn giữa những người Mỹ với nhau hay giữa các cấp chính quyền miền Nam với nhau mang tính giả tạo, đôi khi để lộ hẳn tính tuyên truyền có lợi cho phe cộng sản). Cảm giác thứ hai là sự giả tạo trong các luận cứ để phê phán những nhân vật có liên hệ gần xa với phong trào *Fulro* trong và ngoài nước (có những sự kiện hoàn toàn dựa trên ước đoán bằng cách gán ghép vào những chuyện như buôn lậu, quịt tiền, ham thích xa hoa). Cảm giác cuối cùng là sự ám ảnh về tình dục của ban biên tập, tức ê-kíp công an chính trị xuất thân từ lò đào tạo của KGB thuộc Liên Xô cũ (tất cả những mô tả về các nhân vật *Fulro* đều dính vào những ham muốn hoặc cưỡng ép tình dục).

*Khó xác định sự trung thực của tài liệu*

Tây Nguyên có một vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa. Giữ được Tây Nguyên là nắm giữ được ổn vùng của Việt Nam, do đó từ thời Pháp thuộc đến thời kỳ độc lập từ 1954 trở về sau, các chính quyền đồng bằng đã bằng mọi cách hoặc khống chế hoặc lôi kéo những sắc dân bản địa, tức người gốc Tây Nguyên (từ trước đến nay được gọi là người Thượng), về phía mình. Trong suốt thời gian đó, cộng đồng người gốc Tây Nguyên trên cao nguyên đã được biết đến sau những vụ nổi dậy của phong trào *Bajaraka* và *Fulro*. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, tức phe cộng sản, trong thập niên 1960 rất căm hận những toán biệt kích Thượng đã hướng dẫn quân Mỹ đánh phá đường mòn Hồ Chí Minh, nguồn tiếp liệu quan trọng về vũ khí và quân dụng vào chiến trường miền Nam. Khi lực lượng Fulro dùng bạo lực tấn công một số đồn bót của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa trên Tây Nguyên năm 1964, phe cộng sản đã rất mừng vì được yên ổn trong một thời gian để vận chuyển người và vũ khí vào miền Nam chuẩn bị cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 mà không sợ bị truy kích như trước. Từ sau 1964, gần như chỉ còn quân Mỹ tổ chức những cuộc hành quân qui mô trên cao nguyên mà thôi, quân đội Việt Nam Cộng Hòa chỉ đảm nhiệm vai trò bảo vệ các thành phố lớn và các đồn bót do quân Mỹ để lại từ sau hiệp định Paris 1973. Trong cuộc đổ quân vào Hạ Lào năm 1972, mặc dù bị gài bẫy nhưng vì không có sự tham gia của các lực lượng trinh sát Thượng, quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã bị thiệt hại nặng.

Chỉ sau này, sau ngày 30-4-1975, Hà Nội mới quan tâm tới người gốc Tây Nguyên trên cao nguyên miền Trung vì bị tấn công trực tiếp. Cuộc chiến đấu của người gốc Tây Nguyên chống lại chính quyền cộng sản trên cao nguyên kéo dài trong suốt 8 năm, từ 1975 đến 1982, gây thiệt hại rất đáng kể về người lẫn của cho cả hai bên. Nếu không có cuộc tấn công và chiếm đóng lãnh thổ Campuchia từ sau 1979, chưa chắc những nhóm *Fulro* vô trang đã bị tan rã. Họ chỉ bị đánh bại vì mất hậu cứ.

Trong cuộc chiến này, các lực lượng *Fulro* vô trang bị thiệt hại khá nặng nề vì không thể bổ sung quân số và không được tiếp tế vũ khí. Nhiều cán bộ cao cấp *Fulro* đã bị giết hoặc bị bắt sống, một số đã chết trong tù và một số chấp nhận đầu thú, như trường hợp ông Nahrie

Ya Duk, người Kaho, xã Cađô, tỉnh Lâm Đồng, và cô Thuận Thị Trụ (trong tài liệu được biết dưới tên là Thuận Thị Trúc), người Chăm, sinh quán tại làng Mỹ Nghiệp, Phan Rang.

Ngoài phần tham khảo những tài liệu có sẵn của chế độ Việt Nam Cộng Hòa, gần như toàn bộ nội dung tài liệu *FULRO* ? đều dựa vào lời khai của ông Ya Duk và cô Thuận Thị Trụ, do đó ít xác thực. Lý do giản dị là hai người này không phải là những cán bộ cao cấp của *Fulro* trong lúc đầu. Những gì họ kể hoặc chỉ nghe kể lại hoặc do suy đoán rồi được ban biên tập, tức ê-kíp Ngôn Vinh, diễn dịch lại cho có bài bản hơn.

Nahrie Ya Duk sinh năm 1942, học các trường Pháp tại Đơn Dương và Đà Lạt. Năm 1961 tốt nghiệp sư phạm rồi được cử dạy ở trường tiểu học Nguyễn Công Trứ, Buôn Ma Thuột, từ 1961 đến 1964. Ngày 20-9-1964, sau cuộc nổi dậy vô trang của người gốc Tây Nguyên trên cao nguyên, Ya Duk gia nhập phong trào *Fulro*. Là một trí thức trẻ, tháng 7-1967 Ya Duk được cử theo phái đoàn Y Dhé Adrong, người Rhadé, về Pleiku tham dự cuộc thương thuyết với đại diện chính quyền Việt Nam Cộng Hòa là thiếu tá Nguyễn Văn Nghiêm, để soạn thảo hai sắc luật 033 và 034 (ban hành tháng 8 năm 1967) nhằm nâng đỡ người gốc Tây Nguyên về các mặt chính trị, hành chánh, kinh tế, xã hội, y tế, giáo dục và nhất là tôn trọng quyền sở hữu đất đai. Trong Phong Trào Đoàn Kết Các Sắc Tộc Thiểu Số Cao Nguyên Miền Nam Việt Nam, do chính quyền Việt Nam Cộng Hòa thành lập năm 1967, Ya Duk được cử làm đệ nhị phó chủ tịch. Năm 1968, Ya Duk được cử làm trưởng ty tài chánh Vùng Tàu, năm 1969 giữ chức trưởng ty phát triển sắc tộc tỉnh Bà Rịa.

Sau hiệp định Paris 1973, Ya Duk về lại Tây Nguyên hoạt động cho đến tháng 3-1975, rồi cùng lực lượng *Fulro* chống trả lại sự hiện diện của quân cộng sản trên Tây Nguyên. Ngày 9-6-1976, Ya Duk được Y Djao Niê phong làm đại tá *Fulro* tư lệnh quân khu 4 gồm các tỉnh Brah Yang (Lâm Đồng) và Gung Car (quận Đồng Xoài). Là một trí thức, tháng 7-1977 Ya Duk được Y Djao cử làm đồng lý văn phòng phủ thủ tướng của tổ chức *Fulro* do Y Djao làm thủ tướng. Ngày 22-1-1979, Ya Duk được thăng cấp chuẩn tướng và cử làm phó thủ tướng thứ nhất đặc trách nội an và ngoại giao của tổ chức *Fulro* này. Ngày 13-8-1980, Ya Duk bị bắt và chịu hợp tác với chính quyền cộng sản

để chỉ điểm, bắt giữ hay kêu gọi những thành phần *Fulro* khác ra đầu thú, trong số này có trung tá Liêng Hot K'Thôt, cũng là người Kaho, xã Lát, huyện Đức Trọng. Như vậy những gì Ya Đuk biết về phong trào *Fulro* trước 1964 đều không đúng. Hơn nữa, vì mới gia nhập nên Ya Đuk không thể biết rõ những hoạt động của *Fulro* trên đất Campuchia trước tháng 9-1964.

Thật ra những người này, đặc biệt là ông Ya Đuk và cô Thuận Thị Trụ, cũng chỉ nghe những người có địa vị cao hơn trong phong trào *Fulro* tại Campuchia như Jaya Marang (Huỳnh Ngọc Sấn), Nara Vija (Nguyễn Văn Nhuận), Yang Neh (Đàng Năng Giáo) kể lại nên nội dung của các vụ việc rất sai lệch với thực tế, đồng thời cũng rất giới hạn.

Về Huỳnh Ngọc Sấn, ê-kíp Ngôn Vinh cho biết ông này tham gia phong trào *Bajaraka* năm 1957 là bịa đặt vì Huỳnh Ngọc Sấn chỉ chính thức tham phong trào *Fulro* sau cuộc nổi dậy năm 1964 và được Y Bham Enuôl dẫn đi dự một hội nghị giữa *Fulro* và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa tại Buôn Ma Thuột đầu tháng 8-1968. Chuyện Huỳnh Ngọc Sấn tham gia mọi phiên họp với trung tá Les Kosem, trung tá Um Savuth (gốc Campuchia Krom) và Y Bham Enuôl, để thành lập Mặt Trận Giải Phóng Champa là không đúng sự thật vì, cho tới 1969, Huỳnh Ngọc Sấn chưa bao giờ gặp Les Kosem. Do đó làm gì có chuyện Huỳnh Ngọc Sấn được Les Kosem cử về Sài Gòn liên lạc với những nhóm thanh niên Chăm và nhân viên Phủ Đặc Ủy Tỉnh Báo Trung Ương năm 1964 như ê-kíp Ngôn Vinh viết. Có lẽ khi khai thác những tài liệu của Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tỉnh Báo họ đã nhầm với một ai đó chăng ?

Cũng nên biết Thuận Thị Trụ là vợ của Đàng Năng Giáo (Yang Neh), giữ chức trung sĩ trong lữ đoàn 5 đặc biệt của *Fulro* mang tên là 5BIS (5e Brigade d'Infanterie Spéciale) thành lập vào tháng 6 năm 1970 do thiếu tướng Les Kosem làm tổng tư lệnh. Lữ đoàn 5 đặc biệt-*Fulro* đặt dưới quyền chỉ huy của Bộ quốc phòng Campuchia thời đó. Năm 1973, cô ta trở về Việt Nam, sau đó tham gia vào đại đội Chế Bồng Nga do Huỳnh Ngọc Sấn thành lập vào đầu năm 1975 tại khu vực Phan Rang-Phan Rí, phụ trách văn nghệ. Sau khi phong trào *Fulro* tan rã, cô Thuận Thị Trụ được trở về quê cũ làm giáo viên dạy học tại

Trường phổ thông cơ sở Hiếu Lễ, xã Phước Hậu, tỉnh Thuận Hải. Do đó những hiểu biết của cô Trụ về phong trào *Fulro* ở Campuchia rất là giới hạn vì chỉ nghe kể lại mà thôi.

Nếu quan sát kỹ, người ta thấy phần mô tả về nội bộ của tổ chức *Fulro* trong rừng sâu sau 1975 rất là tỉ mỉ, và tương đối chính xác, vì lúc đó có sự tham gia của Ya Duk. Người ta cũng không ngạc nhiên khi ban biên tập Ngôn Vinh tỏ ra cay cú về những thiệt hại do lực lượng *Fulro* gây ra và hạ hệ khi phong trào này bị tan rã hay phân tán nội bộ.

#### *Sự giả tạo trong các luận cứ*

Vì không đứng trong hàng ngũ những người giữ cấp bậc cao, lời khai của Ya Duk và Thuận Thị Trụ - hai nhân vật bị bắt và chịu hợp tác với chính quyền cộng sản để được yên thân - về tổ chức của *Fulro* ở phần chớp bu rất sai sự thật. Điều này chứng tỏ sự hiểu biết của Cục bảo vệ chính trị II của Bộ Nội Vụ về phong trào *Fulro* rất là hạn chế. Để châm chước cho sự thiếu sót này, ê-kíp biên tập Ngôn Vinh tung ra nhiều luận điệu rất khó kiểm chứng như gán ghép cho những lãnh tụ *Fulro* những thói hư tật xấu, những tham vọng trần tục, những thủ đoạn độc ác để hạ bệ lẫn nhau hay để đạt tới những địa vị mong ước.

Thử lấy trường hợp thiếu tướng Les Kosem, một lãnh tụ Chăm trên xứ Chùa Tháp khá nổi tiếng trong thập niên 1970, làm thí dụ. Ngay trong chương đầu («Tham vọng»), ê-kíp Ngôn Vinh đã không ngần ngại dàn dựng những màn đối thoại giữa quốc trưởng Norodom Sihanouk và Les Kosem, giữa Les Kosem với những cộng sự viên, để vẽ ra cho người đọc hình ảnh một Les Kosem đầy tham vọng, nhiều thủ đoạn trong mưu đồ phục hồi vương quốc Champa.

Ban biên tập Ngôn Vinh còn bịa ra chuyện cho biết Les Kosem nói thông thạo tiếng Nhật, thành lập một đội quân hơn 300 thanh niên gốc Chăm tại Konpong Cham để hợp tác với Nhật vào năm 1944. Tài liệu còn cho biết ông được một võ quan cao cấp Phù Tang (không biết tên gì và cấp bậc nào) «hứa sẽ giúp ông thành lập lực lượng Chăm chống lại quân Pháp, lại còn giao ước sau này khi làm bá chủ Đông Nam Á, chính phủ Nhật sẽ cho dân tộc Chăm phục hồi lại cố quốc Champa, được độc lập hoàn toàn». Thật ra vào thời điểm đó Les

Kosem chưa đầy 17 tuổi, vì ông ta sinh ngày 27 tháng 3 năm 1927, không liên hệ gì với biển có Nhật Bản ở Đông Dương.

Trắng trợn nhất là chương 7 «Đằng sau những cuộc thương thuyết». Dựa trên lời kể của cô Thuận Thị Trụ, chỉ là một trung sĩ của tổ chức Fulro, ê-kíp biên tập Ngôn Vinh dựng đứng chuyện Les Kosem sang Thái Lan gặp hai vị tướng người Chăm trong quân đội hoàng gia Thái để thành lập «Tổ chức người Chăm chính thống tiến bộ», vì Thái Lan có 40 vạn người Thái gốc Chăm<sup>7</sup>. Lố lăng hơn nữa là chuyện Les Kosem đáp máy bay sang Jakarta gặp tổng thống Sukarno để ký mật ước «Nam Dương-Fulro». Tới đây người đọc có chút hiểu biết thấy sự giả tạo quá lộ liễu này : làm gì có chuyện đương kim tổng thống một quốc gia lớn lại hạ mình ký mật ước quân sự với một viên tướng cấp thấp không có chức vụ trong chính phủ Campuchia, rồi lại nhân danh một quốc gia lớn ký kết với một tổ chức Fulro, lại còn hứa sẽ cấp hai lữ đoàn quân tinh nhuệ (nhảy dù và biệt kích) chừng 8.000 người để giúp «phục quốc Champa» bất chấp những công ước quốc tế. Cũng dựa trên lời tường thuật của cô Thuận Thị Trụ, ê-kíp Ngôn Vinh còn tưởng tượng ra chuyện Les Kosem sang Bangkok vận động vị tướng lục quân gốc Chăm mang 10.000 quân Thái sang Campuchia chống quân Khmer Đỏ, rồi bay sang Jakarta thương lượng với tân tổng thống Suharto giữ nguyên mật ước «Sukarno-Les Kossem» (sẵn sàng cử hai lữ đoàn quân Nam Dương sang yểm trợ) và được Suharto «hứa sẽ nhận đào tạo lớp sĩ quan tình báo người Chăm từ Căm-bốt gửi sang cho Les Kossem»<sup>8</sup>, và kết bạn với hai vị tướng Nam Dương là Suseno và Aly. Lâm ly nhất là đoạn mô tả cảnh chia tay : «Hai tướng Aly và Suseno tiễn Kossem ra tận phi trường. Khi chia tay Suseno rưng rưng nước mắt, siết chặt tay Kossem : Ta sẽ gặp nhau trên đất nước Champa !».

Chưa hết, trong chương 15 «Kẻ đẩy, người kéo», ê-kíp Ngôn

<sup>7</sup> Người Chăm ở Thái Lan sống tập trung trong làng Ban Khrua, Bangkok khoảng 5000 người.

<sup>8</sup> Điều có thật là một số sĩ quan và hạ sĩ quan của lữ đoàn 5BIS-Fulro được huấn luyện trong một số trường quân sự ở Nam Dương. Nhưng đây là chương trình hợp tác giữa chính phủ Nam Dương và Campuchia, chứ không phải giữa Nam Dương và Fulro.

Vinh viết rằng «cuối năm 1971, Les được Lon-non thăng chức đại tá<sup>9</sup> và làm tự lệnh phó quân khu đặc biệt. (...) Rồi Les Kossem bay đi Âu châu. Ở Pháp, ông gặp tổng thống Pompidou Pháp. Tổng thống hứa sẽ gia tăng viện trợ, tiền bạc, vũ khí, đào tạo nhiều sĩ quan cho sự nghiệp Champa. (...) Rồi Pháp, Les Kossem đi một loạt các nước Á châu : Mã Lai, Nam Dương, Nhật Bản, Thái Lan".

Thật ra tất cả những dàn dựng này chỉ dựa vào những tài liệu đọc được tại Phủ Đặc Ủy Tình Báo Trung Ương dưới thời Nguyễn Văn Thiệu sau 1975, rồi được thêm thắt bởi những lời khai của cô Thuận Thị Trụ để cho có vẻ thật. Một đoạn trong chương 1 «Tham vọng» cho biết : «Năm 1962, Les Kossem cận vệ cho Chu Ân Lai. Lợi dụng cơ hội, Les mật đàm với Chu, trình bày về mặt trận phục quốc Chàm. Chu hứa sẽ ủng hộ Les. Sau đó hai vị lãnh tụ Hán-Chàm chụp hình chung làm kỷ niệm. Câu chuyện tưởng rất bí mật, chỉ hai người biết. Ấy thế mà đến nay nó vẫn được lưu trong hồ sơ của Hoàng Minh Mộ, nhân viên tình báo Phủ Đặc Ủy Trung Ương của Ngô Đình Diệm<sup>10</sup>».

Sở dĩ có đoạn này trong nội dung quyển sách là vì lúc đó Việt Nam và Trung Quốc đang có tranh chấp: Trung Quốc giúp phe Khmer Đỏ tấn công Việt Nam và bị đánh bại (1979), lãnh thổ Campuchia bị quân Việt Nam chiếm đóng, Trung Quốc liền xua quân tấn công các vùng biên giới... Việc dàn dựng Chu Ân Lai hứa giúp đỡ Les Kosem nằm trong lô-gíc đó. Nói chung sự hiểu biết về nhân vật Les Kosem dừng lại ở đó, những mô tả về con người Les Kosem sau này chỉ là những ước đoán.

Dựa theo lời khai của Thuận Thị Trụ, ê-kíp Ngôn Vinh còn mô tả vợ của Les Kosem như một người đàn bà ham tiền mà không giải thích tại sao. Chẳng hạn như trang 65, Ngôn Vinh viết : «Hàng ngày một đoàn xe quân sự chở gạo, cá, rau từ Nam Vang đến tiếp tế cho hậu cứ (của Y Bham). Công việc tiếp tế do ông Tôn Ái Liên - trưởng ban kinh tài Mặt Trận Chàm - chỉ huy và bà Kossem làm bao thầu. Bà Kossem vốn là nhà kinh doanh thạo mảnh lối làm giàu. Bà đang phát

<sup>9</sup> Đây là phỏng đoán sai lầm, vì Les Kosem được thăng chức thiếu tướng vào cuối năm 1970.

<sup>10</sup> Đúng ra là Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo của chế độ Sài Gòn dưới thời Nguyễn Văn Thiệu.

to. Tiền đồng bào Chăm nộp cho mặt trận, bà được chồng giao giữ, liền biến thành của riêng. Bà dùng tiền đó xây Building (nhà cao tầng), làm cư xá và khách sạn cho thuê, thu về những món tiền lớn. Bà còn hùn vốn vào các nhà hàng, các rạp chiếu bóng. Bà mở các hồ nuôi cá, các lò sát sinh... Giờ đây, bà lại vớ thêm cơ hội làm giàu : nhận bao thầu cho hậu cứ của Mặt trận Cao Nguyên. Tháng tháng bà thu về hàng chục triệu riel (tiền Miên). Những lúc hồ hởi, bà mỉm cười mắng yêu chồng : “Ma quỷ xui khiến thế nào mà ông kéo lủ Thượng ấy sang, để tôi suốt ngày túi bụi... đếm tiền”..».

Ở đây có một thắc mắc là không biết cộng đồng người Chăm nào đã đóng góp cho Mặt Trận Chăm để Les Kosem nuôi ăn nuôi ở trong mấy năm liền cho hàng ngàn người trong lực lượng Fulro của Y Bham một cách dồi dào đến như vậy ?.

Tiếp tục lô-gíc của mình, Ngôn Vinh viết tiếp : «Ngoài việc cử vợ và Tôn Ái Liên nắm cổ họng Y Bham, ông Kossem vẫn không quên mơ ước làm thủ lĩnh. Ông tìm cách lôi kéo những người Chăm trong Mặt Trận Cao Nguyên về phía mình». Kể từ đây đến lược những lời khai của cô Thuận Thị Trụ được đưa vào.

Thật ra cô Thuận Thị Trụ chỉ biết một số nhân vật liên quan đến người Chăm và được Ngôn Vinh thêm thắt những chi tiết cho ly kỳ để người đọc nhận diện đây là những phần tử xấu. Trong kỳ tái bản lần thứ hai, tài liệu của Ngôn Vinh được đổi tên lại thành : *Fulro, tập đoàn tội phạm* để xác nhận rõ đây là một tổ chức của những tội phạm chống chính quyền sống ngoài vòng pháp luật. Những nhân vật Chăm, Việt Nam được nhắc tới trong tài liệu *FULRO ?* này là những người mà cô Thuận Thị Trụ, tức Thuận Thị Trúc trong chuyện, đã từng quen biết hay có quan hệ thân thiết.

Đầu tiên là Đàng Năng Giáo (tức Yang Neh, quê ở Hữu Đức, Phan Rang, chồng của Thuận Thị Trụ) là một người lãng nhãng tình cảm, sau tự tử chết tại Pháp năm 1972. Tiếp theo là Huỳnh Ngọc Sấn (tức Jaya Marang, quê ở Mỹ Nghiệp, Phan Rang), người tình đầu tiên của Thuận Thị Trụ. Linh mục Gérard Moussay (Hội Thừa Sai Paris, trong tài liệu viết là «Karam Mussây»), là người có công giúp Thuận Thị Trụ sang Pháp chung sống với chồng là Đàng Năng Giáo, được nuôi ăn nuôi ở, sau đó được linh mục Moussay đưa về Việt Nam điều hành Trung Tâm Văn Hóa Chăm tại Phan Rang vào năm 1973. Sau

ngày giải phóng, cô Trạ liền giá họa cho linh mục đã mê cô ta và tố cáo linh mục Moussay vừa làm tình báo cho quân đội Pháp vừa làm tình báo cho CIA, tham lam, có ý định mò vàng các vua chúa Chăm, xây dựng Trung Tâm Văn Hóa Chăm với những ý đồ xấu... Sau cùng là Ngụy Văn Nhuận (tức Nara Vija, bạn của Yang Neh, người làng Như Ngọc, Phan Rang) được Thuận Thị Trạ lôi kéo làm nhân chứng chống linh mục Moussay cho rằng Yang Neh tự tử vì ghen tương với linh mục Moussay. Một vài người khác là các cô Trang, Nhung và Lê Thị Ý cũng bị lôi vào, nhưng không quan trọng (tất cả đều bị bắt và đều hợp tác với công an sau đó).

Còn những nhân vật gốc Tây Nguyên ? Những mô tả về những người này được lấy từ hai nguồn dữ kiện : một là các tư liệu của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa để lại sau 1975 ; hai là những lời khai của các thành viên Fulro Tây Nguyên ra đầu thú thuật lại. Về những tài liệu do chính quyền Việt Nam Cộng Hòa để lại, những dữ kiện từ 1958 đến 1975 trích đăng lại đều tương đối chính xác, trừ những phần đối thoại xin miễn bàn. Về nguồn dữ kiện thứ hai, vì là những người giữ chức vụ cấp thấp, họ chỉ thấy những vấn đề cấp thấp, tức những sinh hoạt hằng ngày hay cuộc sống chung chạ giữa những người có cùng quan hệ với Fulro trong chốn rừng sâu, và hoàn toàn xa lạ với những chính sách hay đường lối chung của tổ chức.

Theo những mô tả trong tài liệu *FULRO?* của Ngôn Vinh, người đọc thấy những cấp lãnh đạo *Fulro* là những người không có viễn kiến hay kiến thức, tất cả chỉ hành động theo cảm tính hay trực tính. Những khuôn mặt lịch sử của phong trào Fulro như Y Bham Enuôl, Y Bliêng, Y Bling Buon Krong Pang, Y Dắt Niê Kdam, Y Chôn Mlô, Y Dhé Adrong, Ya Đuk, bà H'Bi, Paul Nur... đều lần lượt bị mang ra bôi nhọ. Chẳng hạn như Y Bham Enuôl là một người ham tiền và địa vị ; Y Bliêng ích kỷ ; Y Bling Buon Krong Pang trai gái, rượu chè, tham nhũng, xa lánh quần chúng ; Y Dắt đâm ô ; Y Chôn Mlô có tính khôn vặt, đạo đức giả ; Y Dhé Adrong ăn tiền của người gốc Tây Nguyên ; Ya Đuk rượu chè bê tha ; bà H'Bi cặp bồ lung tung và chỉ biết «tìm lối thoát trong những thú vui xác thịt» ; Paul Nur vừa tham ô vừa dâm dật...

Sau này, năm 1982, khi Ya Đuk bị cộng sản bắt và chịu hợp tác, nhiều khuôn mặt mới của Fulro cũng bị mang ra bôi nhọ như : Y Bun

Sur là một người hiếu chiến ; Nay Luett nịnh bợ người Mỹ và người Kinh ; Kpa Koi đầy mưu mô ; Ksor Kin phản bội cách mạng, trác táng ; Y Bach Êban dâm dật ; Y Prêh làm gián điệp cho Mỹ ; mục sư tin lành Y Nguê theo Mỹ ; K'Năm kẻ thù hành vô điều kiện ; H'Tôn Niê lãng loà; Y Djaio độc ác ; K'Cháp đa tình... Nói chung tất cả những nhân vật *Fulro* đều bị gán ghép vào những tội danh chống “cách mạng” hay hành động tham ô, dâm dục.

*Những ám ảnh về tình dục của ban biên tập*

Như đã nói, phần lớn nhân sự trong lực lượng công an thuộc Cục Bảo Vệ Chính Trị II và Đoàn chống Fulro của Bộ Nội Vụ đã được đào tạo từ các trường huấn luyện tình báo theo khuôn mẫu Liên Xô và Trung Quốc, việc gán ghép cho những người chống đối những tội danh liên quan đến tình dục và tham ô là chuyện rất thường tình.

Về Les Kosem, ê-kíp Ngôn Vinh viết : «Với thành công rực rỡ trên đây (đoạt giải nhì trong một cuộc thi nhảy dù tại Pháp), ông được Xi-ha-núc chú ý. Vợ ông lại là người A Rập lai Kinh, đã đẹp lại lịch lãm sự đời nên trong các buổi khiêu vũ, Xi-ha-núc thích mời vợ chồng Les Kossem đến. Les Kossem được hầu cận bên cạnh Quốc trưởng, còn vợ được hầu cận Hoàng hậu hoặc có khi ngược lại» (tr. 19-20).

Đôi khi sự ám ảnh về tình dục của ban biên tập Ngôn Vinh lên đến cao độ, vì rất chi tiết trong cách mô tả, người đọc có cảm tưởng thành phần công an thuộc Cục bảo vệ chính trị II là những thám tử tư chuyên rình mò chuyện ngoại tình, trai gái của những người đang bị điều tra hay bị theo dõi để ăn tiền người thuê mướn.

Về Huỳnh Ngọc Sấn (Jaya Marang), tài liệu viết : «Đầu tiên, y [Huỳnh Ngọc Sảng] bao vây cô Chiêm. Thấy cô đẹp, y tìm cách ga gâm. Một đêm, cô Chiêm đang ngủ trong nhà, Sảng mò vào, (...) bị cô la lên, chửi rủa, Sảng phải nhảy rào chạy trốn. Sau đó, y lấy cô Tím. Khi vợ có thai, y chán, chẳng ngó ngàng gì đến, bỏ chạy theo các cô gái khác. Đến kỳ sinh nở, lúc cô Tím đang quần quai, thì y vẫn mãi theo cô gái khác, người nhà đến báo cũng không về. Cô Tím uất, chết ngay khi đứa con vừa cất tiếng chào đời. (...) Sảng bỏ nhà đi mở lớp dạy tư cho trẻ con ở ấp Tuấn Tú. Ở đây y mê cô Lữ, một cô gái mồ côi cha, có mái tóc vàng ươm, da trắng, mặt tròn. Sảng đã dùng đủ thủ

đoạn, tán tỉnh lừa lọc và cuối cùng cô Lỡ yêu y. Khi cô Lỡ có thai, y lại bỏ. [...] Hết cô Lỡ, đến cô Dựng, một người đàn bà có chồng, và sau khi chán chê cô Dựng, Sáng cặp bồ với vợ một thầy Chang. [...] Một đêm, thầy Chang cùng với ba người em đã bắt được quả tang Sáng đang ăn nằm với vợ mình. Họ liền lấy thùng trâu trói hai người đang lòa lờ lại, dong đi khắp ấp bêu riếu, dọa sẽ cắt tai nếu lần sau còn bắt được» (tr. 29). Chuyện Huỳnh Ngọc Sấn chiếm đoạt Thuận Thị Trúc (tức Thuận Thị Trụ) trên tay người yêu là Đàng Năng Giáo bàn bạc khắp các chương sau, tiếp theo là chuyện Sấn cưỡng dâm Đàng Thị Trang, một cô gái 16-17 tuổi : «Vị chỉ huy bỗng đến bên ỏ, nhìn thẳng vào mặt Trang với đôi mắt đục ngầu. Trang chưa kịp đứng dậy chạy trốn thì Sáng đã ôm riết lấy em, vạt ra ỏ lá cây (...) Nhưng cuộc ái ân lộ liễu giữa Nhung và Sáng diễn ra trước mắt Trang. Nhung tiếng cười dâm dăng của họ nấc lên trong hang như cơm bữa» (tr. 285 và 330). Có điều lạ là tài liệu lại mô tả những cô gái này đều là những phụ tá đắc lực nhất của Huỳnh Ngọc Sấn trong suốt thời gian chiến đấu ở trong rừng, chỉ sau khi bị bắt những cô này mới quay lại tố cáo Huỳnh Ngọc Sấn.

Về Paul Nư, tổng trưởng sắc tộc, ê-kíp Ngôn Vinh viết : «Lên làm tổng trưởng, trước khi chọn những người có đức có tài, Paul Nư nghĩ ngay đến một loại chân tay đặc biệt. Vốn thích “của ngọt” Paul Nư tìm một tên ma mãnh, thông thuộc các “động” ăn chơi, để dùng. (...) Sau một vài lần dất mối thành công, đưa đến cho thượng cấp những cô gái trẻ đẹp, (Nguyễn Hữu) Oanh được Paul (Nư) tin, cử làm bí thư riêng (...) Vừa qua tôi đi kinh lý về quận Thuận Mãn. Ở đó có con bé đánh máy tên Liên khá xinh. Tôi ưng lắm... Kỳ tới, anh (Nguyễn Hữu Oanh) lấy sự vụ lệnh làm phái viên của tôi về Thuận Mãn đưa con bé về cho tôi. Làm cho kín đáo» (tr. 124 và 126). Không biết những lời đối thoại này lấy từ đâu ?

Về bà H'Bi, đệ tam phó chủ tịch Phong Trào Đoàn Kết Các Sắc Tộc Thiểu Số Cao Nguyên Miền Nam Việt Nam, ban biên tập Ngôn Vinh viết : «Chán ngán với con đường hoạn lộ, cảnh sống lừa lọc, chia rẽ của các lãnh tụ Fulro, không có thể để tham ô tiền và ăn uống nhạt nhệch, H'Bi tìm lối thoát trong những thú vui xác thịt. Bà cặp bồ lung tung với các vị chỉ huy Fulro và cuối cùng chài được trung tá Rmah Klel (...) Ngay ở trụ sở phong trào, hai vị (ông Y Dắt, đệ nhất phó

chủ tịch, và bà H'Bi, đệ tam phó chủ tịch) đã thường xuyên ân ái với nhau... Ra khỏi trụ sở trung ương, xa vợ, xa chồng, nên đường kinh lý, hai vị thả sức “bàn bạc”, “trao đổi”. Tình cảm cứ thế thấm sâu và cuối cùng nhị vị phó chủ tịch đều cảm thấy không thể sống với những người chồng, người vợ cũ hèn kém, quê mùa. Hai vị quyết tâm ly dị vợ, chồng cũ để lấy nhau» (tr. 135-137).

Y Bling, thượng nghị sĩ và chủ tịch phong trào đoàn kết, bị mô tả như sau : «Ông ở tị tị Sài Gòn, trong một biệt thự riêng. Ông “mua” luôn hai cô gái người Kinh làm vợ. Một cô nữ sinh, thích trung diện, thích các vũ trường, thích các tiệm ăn nổi tiếng, ông nghị đã trả cho bố mẹ cô ta 600 ngàn đồng và đưa cô về làm vợ bé. Một cô con nhà giàu, ông bố đánh bạc thua, bán hết tài sản, phải bán con cho ông nghị một triệu đồng lấy tiền trả nợ» ( tr. 203).

Về linh mục Moussay, tài liệu viết : «Hai cô gái (Thuận Thị Trúc và Từ Thị Nhung) cùng duyên dáng, trẻ trung, cùng được Cha yêu mến như nhau, điều đó không thể kéo dài mãi. Chỉ sau một thời gian ngắn, họ coi nhau như kẻ thù, luôn luôn tìm dịp nói xấu nhau. Trúc nói Nhung lăng lơ, đi thò, mơn trớn và cám dỗ Cha vào vòng tội lỗi. Nhung nói Trúc nhiệm lối sống Âu, Mỹ dề dãi và khéo léo hại “ngâm Cha”. (tr. 245).

Ban biên tập Ngôn Vinh mô tả H'tlôn, bà tổng trưởng ngoại giao Fulro, như là một người đàn bà dâm ô : «Sau một thời gian sống nhày nhụa với các sĩ quan và quân nhân “mũ nồi xanh”, cô gặp đại tá Kershing, cố vấn Quân Đoàn II. Đại tá cặp bồ với cô, đưa cô về trụ sở làm phiên dịch và làm vợ hờ của mình. (...) Đại tá Kershing về nước, trung tướng Jôn Pôn Van (John Paul Van) thay làm cố vấn quân đoàn và cũng thay luôn làm nhân tình của H'Tlôn. (...) Cô chọn những thanh niên trẻ, khỏe, lấy họ dùng một thời gian rồi lại thải đi như những bã thuốc. Không ai tính được cô có bao nhiêu chồng hờ người Mỹ, người Kinh và Thượng như thế. (...) Không có chồng, bà tha hồ tự do yêu ai thì yêu, ăn ở với ai thì ăn ở, chẳng ai ngăn cản, hạch sách bà» (tr. 300-305).

Còn rất nhiều đoạn khác kể về những chuyên dâm dật của các thành viên Fulro cấp thấp hơn, nhưng không tiện liệt kê ra hết ở đây.

Thấy gì qua những mô tả này ? Đó là chủ tâm của ban biên tập Ngôn Vinh, đúng hơn là của Cục bảo vệ chính trị II của Bộ Nội Vụ.

Mục đích của những vụ cáo này là để hạ uy tín hay làm xăng-ta (chantage) buộc đối phương phải phục tùng và làm theo mệnh lệnh của công an. Gần như không một nhân vật nào có liên hệ gần và xa với Fulro mà không bị gán ghép vào những hành vi dâm ô, trác táng.

Với những người đọc có trình độ, cách bôi nhọ có tính hạ cấp này chỉ làm hoen ố thêm tập thể những người viết ra những dòng chữ này, tức ban biên tập Ngôn Vinh và Cục Bảo Vệ Chính Trị II thuộc Bộ Nội Vụ. Mục tiêu tuyên truyền và bôi nhọ phong trào *Fulro* trong tác phẩm *FULRO ?* của Ngôn Vinh hoàn toàn mất tác dụng.

Chính quyền cộng sản hiện nay đang cố tình làm sống lại tổ chức *Fulro* trong chủ tâm đàn áp phong trào đòi trả lại đất đai và tự do tín ngưỡng của người gốc Tây Nguyên trên cao nguyên. Trong thực tế các tổ chức mang danh hay nhân danh *Fulro* đều đã bị giải thể từ lâu, ngày nay nó chỉ còn là một tinh thần. Tinh thần *Fulro* ngày nay đồng nghĩa với chống lại áp bức của người Kinh. Đây là một khám phá quan trọng. Tinh thần này nằm bàn bạc trong tâm hồn của từng người gốc Tây Nguyên và người Chăm, im lặng trong lúc nguy khốn nhưng sẽ bùng dậy mãnh liệt nếu các chính quyền người Kinh không tìm ra một giải pháp hợp tình hợp lý giải quyết vấn đề người thiểu số trên cao nguyên miền Trung, nghĩa là trả lại đất đai cổ truyền và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. Có như thế quốc gia Việt Nam mới tìm được sự ổn vững và cùng tiến trong dị biệt.

Nói chung các chính quyền Việt Nam phải thực hiện cho bằng được đồng thuận dân tộc trong tình anh em tìm lại.